Lesson Sheet

B1 · Week 2 · Session 1 · b1-w02-s1 · v1 draft

Groundbreaking Inventions in History

• Học sinh nhận biết và sử dụng chuẩn xác từ vựng về các phát minh lịch sử và công nghệ đổi mới.

• Học sinh vận dụng đúng thể bị động ở thì quá khứ đơn (Past Simple Passive: was/were + V3/ed) để miêu tả nguồn gốc các phát minh.

Grammar: Past Simple Passive (Thể bị động thì Quá khứ đơn)

Thể bị động quá khứ đơn được dùng khi ta muốn nhấn mạnh vào sự vật, phát minh hoặc hành động đã xảy ra thay vì người thực hiện. Ta dùng 'was' với chủ ngữ số ít (I, he, she, it, danh từ số ít) và 'were' với chủ ngữ số nhiều (you, we, they, danh từ số nhiều), sau đó kết hợp với quá khứ phân từ (V3/ed). Nếu muốn nhắc đến tác giả hoặc tác nhân gây ra hành động, ta thêm cụm 'by + tân ngữ'.

Khẳng định: S + was / were + V3/ed (+ by O) | Phủ định: S + was / were + not + V3/ed | Nghi vấn: Was / Were + S + V3/ed...?

Khởi động và tìm hiểu từ vựng về các phát minh · 10 phút
Học sinh ghép nối các phát minh lịch sử với tên nhà phát minh và học 8 từ vựng trọng tâm của bài.

Đọc hiểu văn bản lịch sử bóng đèn và luyện ngữ pháp Bị động quá khứ · 20 phút
Học sinh đọc bài văn về phát minh bóng đèn điện, phân tích các câu bị động và trả lời câu hỏi đọc hiểu.

Luyện nghe podcast lịch sử và thảo luận nhóm về các phát minh · 15 phút
Học sinh nghe đoạn podcast giữa người dẫn chương trình và bạn Leo, sau đó thực hành hỏi đáp về các phát minh.

Viết đoạn văn ngắn và hoàn thành bài trắc nghiệm củng cố · 10 phút
Học sinh viết đoạn văn 80-120 từ về một phát minh quan trọng và hoàn thành 8 câu trắc nghiệm của bài.

Vocabulary Worksheet

B1 · Week 2 · Session 1 · b1-w02-s1 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

invention /ɪnˈvenʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

inventor /ɪnˈventə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

revolutionise /ˌrevəˈluːʃənaɪz/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

telegraph /ˈtelɪgrɑːf/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

electricity /ɪˌlekˈtrɪsəti/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

patent /ˈpætnt/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

transform /trænsˈfɔːm/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

practical /ˈpræktɪkl/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

B1 · Week 2 · Session 1 · b1-w02-s1 · v1 draft

Past Simple Passive (Thể bị động thì Quá khứ đơn)

Khẳng định: S + was / were + V3/ed (+ by O) | Phủ định: S + was / were + not + V3/ed | Nghi vấn: Was / Were + S + V3/ed...?

Choose the correct sentence in the Past Simple Passive:
A. The telephone was invented by Alexander Graham Bell in 1876.
B. The telephone were invented by Alexander Graham Bell in 1876.
C. The telephone is invented by Alexander Graham Bell in 1876.

Complete the sentence: 'Important messages _____ across long distances by telegraph in the 19th century.'
A. were transmitted
B. was transmit
C. are transmitting

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

B1 · Week 2 · Session 1 · b1-w02-s1 · v1 draft

The Light That Changed Our Nights

Before electric light was introduced, people relied on candles, oil lamps, and gaslights to illuminate their homes after sunset. These sources produced dim light, created smoke, and often caused dangerous fires. In the late 1870s, the practical incandescent light bulb was developed by Thomas Edison and his dedicated team of researchers. Although earlier bulbs had been tested by other inventors, Edison's design was improved so that it could glow continuously for many hours without burning out.

Soon after this breakthrough, the first power station was built in New York City, and electrical wiring was installed throughout city streets. Factories were gradually lit by electricity, allowing workers to produce goods safely after dark. Streets were illuminated at night, which reduced accidents and made urban neighborhoods much safer for walking. The widespread adoption of electric lighting completely revolutionized daily routines. Today, light bulbs are taken for granted, but our modern 24-hour lifestyle was truly made possible by this remarkable nineteenth-century invention.

According to the reading passage, why was Edison's light bulb design considered practical?

A. It could glow continuously for many hours without burning out

B. It worked completely without electricity or wiring

C. It was made entirely of pure solid gold

How did electric lighting affect city streets at night?

A. It made people stay indoors and shut down factories

B. It reduced accidents and made urban neighborhoods much safer for walking

C. It made streets completely dark and dangerous

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

B1 · Week 2 · Session 1 · b1-w02-s1 · v1 draft

A History Museum Podcast on Inventions

Lần nghe 1: Nghe để xác định phát minh nào trong phòng trưng bày công nghệ khiến bạn Leo cảm thấy ngạc nhiên nhất.
Lần nghe 2: Chú ý phương thức thông điệp được truyền đi bằng máy điện báo và thời gian gửi thư trước đó.

According to the listening podcast, who designed the early telegraph machine?
A. Samuel Morse
B. Thomas Edison
C. Alexander Bell

How were letters transported before the telegraph transformed communication?
A. By horses or ships, which took weeks
B. By electronic email messages
C. By supersonic airplanes

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

B1 · Week 2 · Session 1 · b1-w02-s1 · v1 draft

Write a short paragraph (80-120 words) describing an important invention from the past and its impact.

Độ dài tham khảo: 80–120 từ.

• Câu mở đoạn: Giới thiệu tên phát minh và người tạo ra nó hoặc thời điểm ra đời.

• Thân đoạn: Miêu tả cuộc sống trước khi có phát minh và những thay đổi to lớn sau khi phát minh được áp dụng.

• Câu kết đoạn: Khẳng định ý nghĩa lâu dài của phát minh đối với đời sống ngày nay.

Checklist

¡Nêu rõ tên phát minh và sử dụng thể bị động quá khứ đơn chính xác.

¡Giải thích được tác động tích cực của phát minh đến đời sống con người.

¡Đảm bảo độ dài đoạn văn từ 80 đến 120 từ.

Speaking Card

B1 · Week 2 · Session 1 · b1-w02-s1 · v1 draft

Discuss an important historical invention with a classmate and explain how it changed people's lives.

Which invention do you think has had the biggest impact on our world?

Who was it invented by, or when was it created?

How was life different before this invention was introduced?

Bố mẹ quan sát

¡Sử dụng đúng ít nhất 2 câu bị động quá khứ đơn (was/were + V3/ed).
¡Trình bày rõ ràng tên phát minh, lợi ích và so sánh với đời sống trước khi có phát minh đó.

Từ vựng gợi ý

invention · inventor · revolutionise · telegraph · electricity · patent · transform · practical